ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 97 /2016/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 19 tháng 9 năm 2016*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH LÀO CAI
ĐẾN Số: 3706
Ngày: 21/9/2016
Chuyển: Hồ - Lưu - Xong
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh Lào Cai về chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 394 /TTr-SNV ngày 06 tháng 9 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 97 /2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng chính sách thu hút: Cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên hoặc người lao động trong các thành phần kinh tế là công dân Việt Nam có trình độ đào tạo đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn để được thu hút về làm việc tại tỉnh Lào Cai, gồm:

a) Những người có chuyên ngành đào tạo thuộc danh mục quy định của UBND tỉnh, có trình độ chuyên môn sau đại học gồm: Tiến sỹ; Thạc sỹ; Bác sỹ chuyên khoa cấp II; Bác sỹ chuyên khoa cấp I;

b) Bác sỹ nội trú, bác sỹ đa khoa học đại học hệ chính quy tại các trường Đại học y;

c) Sinh viên học Đại học hệ chính quy ở trong nước thi tốt nghiệp đỗ thủ khoa và xếp loại giỏi;

d) Sinh viên học ở nước ngoài tốt nghiệp đại học loại giỏi.

2. Đối tượng, phạm vi áp dụng chính sách đãi ngộ

a) Viên chức trong ngành y tế, công tác tại các cơ sở khám chữa bệnh hoặc cơ sở y tế dự phòng của tỉnh Lào Cai đáp ứng các điều kiện để được hưởng chính sách đãi ngộ hàng tháng, bao gồm những người có trình độ: Tiến sỹ Y khoa, thạc sỹ y khoa, bác sỹ chuyên khoa 2, bác sỹ chuyên khoa 1, bác sỹ nội trú;

b) Công chức, viên chức có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông, thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của tỉnh có đủ các điều kiện để được hưởng chính sách đãi ngộ hàng tháng.

3. Đối tượng, phạm vi áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế của các cơ quan Đảng, Đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc, cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp của tỉnh Lào Cai (sau đây gọi là các cơ quan, đơn vị) được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo theo các chuyên ngành do UBND

4. Trường hợp người được thu hút có nhiều bằng cấp chuyên môn hoặc danh hiệu cao quý thì chỉ được hưởng chính sách thu hút đối với bằng cấp hoặc danh hiệu cao nhất.

5. Người hưởng chính sách đãi ngộ phải giữ đúng vị trí việc làm theo quy định, thực hiện nhiệm vụ chuyên trách. Phụ cấp đãi ngộ chi trả cùng kỳ lương hàng tháng, không dùng làm căn cứ để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

6. Thời gian không tính hưởng phụ cấp đãi ngộ bao gồm: Thời gian nghỉ chế độ thai sản; thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương; thời gian đi học liên tục, thời gian nghỉ ốm, thời gian bị tạm đình chỉ công tác từ 01 tháng trở lên.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH THU HÚT

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách thu hút

Người được hưởng chính sách thu hút phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có trình độ, chuyên ngành đào tạo thuộc danh mục cần thu hút; người có trình độ sau đại học phải có bằng đại học tốt nghiệp loại khá trở lên.

2. Có tuổi đời tính đến thời điểm hưởng chính sách thu hút không quá 45 tuổi đối với Nữ, không quá 50 tuổi đối với Nam.

3 .Có chứng nhận đủ sức khỏe để làm việc của cơ quan y tế có thẩm quyền.

4. Có cam kết thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người được thu hút.

5. Có văn bằng tốt nghiệp các cấp học được hưởng chế độ thu hút quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy định này đồng thời đáp ứng các quy định sau:

a) Sinh viên học Đại học hệ chính quy ở trong nước thi tốt nghiệp đỗ thủ khoa phải có bản xác nhận của Nhà trường (nơi đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp);

b) Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo ở nước ngoài cấp thì phải được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, đồng thời phải được dịch ra tiếng Việt (có chứng thực hoặc công chứng) theo quy định của pháp luật.

6. Không bị kỷ luật hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 4. Quyền lợi của người được thu hút

Người được thu hút về làm việc tại Lào Cai được hưởng trợ cấp thu hút một lần theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

1. Người có học vị Tiến sỹ: 240 triệu đồng.

2. Người có học vị Thạc sỹ: 80 triệu đồng.

3. Bác sỹ chuyên khoa cấp II, Bác sỹ nội trú: 150 triệu đồng.

4. Bác sỹ chuyên khoa cấp I: 100 triệu đồng.

5. Bác sỹ đa khoa đào tạo hệ chính quy về công tác tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh:

a) Tốt nghiệp loại giỏi: 100 triệu đồng;

b) Tốt nghiệp loại khá: 60 triệu đồng;

6. Bác sỹ đa khoa đào tạo hệ chính quy về công tác tại các cơ sở y tế tuyến huyện:

a) Tốt nghiệp loại giỏi: 120 triệu đồng;

b) Tốt nghiệp loại khá: 80 triệu đồng;

c) Tốt nghiệp loại trung bình hoặc trung bình khá: 50 triệu đồng.

7. Bác sỹ đa khoa đào tạo hệ chính quy về công tác tại các cơ sở y tế tuyến xã:

a) Tốt nghiệp loại giỏi: 140 triệu đồng;

b) Tốt nghiệp loại khá: 100 triệu đồng;

c) Tốt nghiệp loại trung bình hoặc trung bình khá: 80 triệu đồng.

8. Sinh viên học các trường đại học ở trong nước tốt nghiệp loại giỏi và đỗ thủ khoa hoặc học đại học ở nước ngoài tốt nghiệp loại giỏi: 40 triệu đồng.

Điều 5. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được thu hút

1. Chấp hành sự phân công công tác của cấp có thẩm quyền.

2. Thời gian công tác tại tỉnh Lào Cai tối thiểu 08 (tám) năm. Riêng Bác sỹ về cơ sở y tế tuyến xã công tác tối thiểu 05 (năm) năm.

3. Trong thời gian cam kết làm việc tại Lào Cai nếu người được thu hút vi phạm một trong các trường hợp dưới đây thì phải chịu trách nhiệm bồi thường gấp 02 (hai) lần kinh phí được trợ cấp thu hút:

a) Tự ý bỏ việc;

b) Xin chuyển công tác đến cơ quan đơn vị không thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách (trừ trường hợp được điều động theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền);

c) Không chấp hành sự phân công công tác;

d) Kết quả công tác 02 năm liên tục đối với công chức xếp loại hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực trở xuống, đối với viên chức xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở xuống.

Điều 6. Quy trình thực hiện chính sách thu hút

1. Các cơ quan, đơn vị đăng ký nhu cầu thu hút theo từng vị trí việc làm, xác định rõ yêu cầu đối với người cần thu hút về trình độ, chuyên ngành đào tạo gửi Sở Nội vụ trước ngày 05 tháng 6 hằng năm.

Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định đăng ký nhu cầu thu hút của các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố trình UBND tỉnh phê duyệt. Các cán bộ thuộc diện tỉnh ủy quản lý thì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt.

2. Thông báo nhu cầu thu hút trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

a) Sở Nội vụ thông báo nhu cầu thu hút cán bộ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc khối nhà nước;

b) Trường hợp đối tượng thuộc diện tỉnh ủy quản lý thì được thực hiện theo thông báo của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy.

3. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thu hút của cá nhân.

a) Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ của cá nhân đăng ký và văn bản đề nghị của đơn vị có nhu cầu thu hút vào các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố; trình UBND tỉnh quyết định tiếp nhận hoặc tuyển dụng theo chính sách thu hút đối với các trường hợp có đủ điều kiện, tiêu chuẩn. Tham mưu giúp UBND tỉnh trình Thường trực, Thường vụ tỉnh ủy các trường hợp thuộc diện tỉnh ủy quản lý;

b) Hồ sơ cá nhân đăng ký thu hút thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Điều 2 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

4. Cơ quan sử dụng người được thu hút trực tiếp thực hiện chế độ, chính sách đối với người được thu hút theo Quy định này.

Căn cứ vào quyết định phê duyệt của UBND tỉnh các sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố ra quyết định chi trả phụ cấp thu hút cho cá nhân theo Điều 4 Quy định này.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ

Mục I

PHỤ CẤP ĐÃI NGỘ HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ

Điều 7. Điều kiện được hưởng phụ cấp đãi ngộ hàng tháng

Người có trình độ sau đại học và bác sỹ nội trú làm việc trong các cơ sở khám chữa bệnh và các đơn vị khối y tế dự phòng của tỉnh được hưởng phụ cấp đãi ngộ hàng tháng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh. Hằng năm, có đề tài hoặc sáng kiến áp dụng trong công tác khám chữa bệnh được lãnh đạo đơn vị xác nhận, có báo cáo thành tích trong công tác.

2. Đánh giá, xếp loại cuối năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Được tập thể đơn vị bình xét, đề xuất.

Điều 8. Mức phụ cấp đãi ngộ đối với người có trình độ sau đại học Bác sỹ chuyên khoa và bác sỹ nội trú làm việc trong các cơ sở khám chữa bệnh và các đơn vị khối y tế dự phòng của tỉnh

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Người có trình độ tiến sỹ, bác sỹ chuyên khoa 2, bác sỹ nội trú:

a) Nhóm 1: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Lao, tâm thần, truyền nhiễm, X quang, hồi sức cấp cứu, điều trị tích cực, ung bướu được hưởng phụ cấp đãi ngộ mỗi tháng bằng 1.5 lần mức lương cơ bản;

b) Nhóm 2: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa, giải phẫu bệnh được hưởng phụ cấp đãi ngộ mỗi tháng bằng 1.2 lần mức lương cơ bản;

c) Nhóm 3: Làm nhiệm vụ tại các đơn vị khối y tế dự phòng và các khoa, phòng điều trị về các bệnh khác (ngoài 2 nhóm trên) được hưởng phụ cấp đãi ngộ mỗi tháng bằng 1.0 lần mức lương cơ bản.

2. Người có trình độ thạc sỹ, bác sỹ chuyên khoa 1:

a) Nhóm 1: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Lao, tâm thần, truyền nhiễm, X quang, hồi sức cấp cứu, điều trị tích cực, ung bướu được hưởng phụ cấp đãi ngộ hàng tháng bằng 1.0 lần mức lương cơ bản;

b) Nhóm 2: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa, giải phẫu bệnh được hưởng phụ cấp đãi ngộ hàng tháng bằng 0.8 lần mức lương cơ bản;

c) Nhóm 3: Làm nhiệm vụ tại các đơn vị khối y tế dự phòng và các khoa, phòng điều trị về các bệnh khác (ngoài 2 nhóm trên) được hưởng phụ cấp đãi ngộ hàng tháng bằng 0.5 lần mức lương cơ bản.

Điều 9. Quy trình thực hiện chính sách đãi ngộ đối với viên chức ngành y tế

1. Các cơ sở khám chữa bệnh, cơ quan y tế dự phòng tổ chức bình xét người có đủ điều kiện hưởng chính sách đãi ngộ theo hướng dẫn của Sở Y tế; lập danh sách và hồ sơ gửi Sở Y tế tổng hợp.

2. Sở Y tế tổng hợp danh sách viên chức trong ngành đủ điều kiện hưởng chính sách đãi ngộ gửi Sở Nội vụ trước ngày 28 tháng 02 hằng năm (kèm hồ sơ theo Điều 10 Quy định này).

3. Sở Nội vụ thẩm định, thông báo danh sách, mức hưởng phụ cấp đãi ngộ đối với viên chức ngành y tế gửi Sở Y tế, Sở Tài chính.

4. Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí, Sở Y tế ra quyết định chi trả chế độ đãi ngộ đối với viên chức.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách đãi ngộ đối với viên chức ngành y tế

1. Quyết định công nhận sáng kiến hoặc đề tài của Hội đồng sáng kiến cơ sở - Sở Y tế (bản phô tô).

2. Xác nhận xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề hoặc Quyết định công nhận lao động tiên tiến trở lên của thủ trưởng đơn vị (bản phô tô).

3. Văn bản phân công nhiệm vụ trong năm của thủ trưởng đơn vị.

4. Văn bằng tốt nghiệp trình độ sau đại học hoặc bác sỹ nội trú (bản phô tô).

5. Biên bản họp bình xét hưởng chính sách đãi ngộ của cơ quan, đơn vị.

Mục II

PHỤ CẤP ĐÃI NGỘ HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀM NHIỆM VỤ AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN

Điều 11. Điều kiện được hưởng phụ cấp đãi ngộ hàng tháng

Công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin được hưởng phụ cấp đãi ngộ hàng tháng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông.

2. Đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn thông tin thông qua kỳ sát hạch hàng năm do Sở Thông tin - Truyền thông tỉnh Lào Cai tổ chức.

3. Được đánh giá hằng năm xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Điều 12. Mức phụ cấp đãi ngộ hàng tháng đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin, làm nhiệm vụ trực tiếp vận hành đảm bảo an toàn thông tin cho trung tâm mạng thông tin của tỉnh, thực hiện nhiệm vụ điều phối ứng cứu sự cố máy tính, hướng dẫn các cơ quan, địa phương trên toàn tỉnh trong công tác đảm bảo an toàn thông tin được hưởng mức phụ cấp đãi ngộ hàng tháng bằng 3 (ba) lần mức lương cơ sở.

2. Công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin làm nhiệm vụ trực tiếp quản lý, vận hành đảm bảo an toàn hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh quy định tại khoản 3 Điều này được hưởng mức phụ cấp đãi ngộ hàng tháng bằng 2 (hai) lần mức lương cơ sở.

3. Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh bao gồm: Hệ thống mạng, các trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm và cơ sở dữ liệu phục vụ chung hoạt động của nhiều cơ quan, tổ chức. Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh phải được thực hiện tối thiểu ở 2 cấp trở lên (cấp tỉnh - cấp huyện; cấp huyện – cấp xã; hoặc cấp tỉnh – huyện – xã).

Người trực tiếp quản lý, vận hành đảm bảo an toàn hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh là người được cấp có thẩm quyền giao sử dụng tài khoản quản trị cao nhất để quản lý, vận hành đảm bảo an toàn hệ thống thông tin dùng chung.

Điều 13. Quy trình thực hiện chính sách đãi ngộ đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin

1. Các cơ quan, đơn vị lập hồ sơ đề nghị công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin được hưởng chính sách đãi ngộ theo Điều 14 Quy định này gửi Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục các hệ thống thông tin chung của tỉnh, danh sách công chức, viên chức làm nhiệm vụ điều phối, ứng cứu sự cố máy tính và danh sách công chức, viên chức trực tiếp vận hành đảm bảo an toàn hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Hằng năm, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nếu có sự thay đổi.

3. Căn cứ vào danh sách công chức, viên chức làm nhiệm vụ điều phối, ứng cứu sự cố máy tính và danh sách công chức, viên chức trực tiếp vận hành đảm bảo an toàn hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đã được phê duyệt, Sở Thông tin và Truyền thông thông báo danh sách công chức, viên chức và mức phụ cấp đãi ngộ được hưởng gửi Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan.

4. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp chi trả chế độ phụ cấp đãi ngộ cho công chức, viên chức.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách đãi ngộ đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin

Hồ sơ đề nghị thẩm định cán bộ, công chức, viên chức hưởng chính sách đãi ngộ gửi về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 30 tháng 01 hằng năm. Hồ sơ gồm:

1. Bản phân công nhiệm vụ cho công chức, viên chức của thủ trưởng đơn vị.

2. Bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông (bản phô tô).

3. Xác nhận xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề hoặc Quyết định công nhận lao động tiên tiến trở lên của thủ trưởng đơn vị (bản phô tô).

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO

Điều 15. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học, hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Độ tuổi:

- Đào tạo đại học: Không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức;

- Đào tạo sau đại học lần đầu: Không quá 40 tuổi đối với cán bộ, công chức; không quá 45 tuổi đối với viên chức.

b) Có thời gian công tác từ đủ 3 (ba) năm trở lên đối với các trường hợp đi học đại học; cán bộ, công chức đi học sau đại học có thời gian công tác từ đủ 5 (năm) năm trở lên. Cán bộ, công chức, được cử đi đào tạo sau đại học sau 3 năm công tác nếu thuộc các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng được quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức hoặc có 2 (hai) năm liền đạt danh hiệu từ chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên;

c) Có ít nhất 3 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

d) Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

đ) Có cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, tiếp tục trở về phục vụ địa phương nơi công tác trước khi được cử đi học. Thời gian cam kết thực hiện nghĩa vụ sau đào tạo ít nhất gấp 3 (ba) lần thời gian tham gia khóa đào tạo;

e) Nếu cán bộ, công chức, viên chức đi học ở các cơ sở đào tạo của nước ngoài thì cơ sở đào tạo đó phải hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc hoạt động hợp pháp ở nước ngoài; văn bằng do cơ sở đào tạo ở nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật.

2. Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đi đào tạo bác sỹ đa khoa chính quy theo địa chỉ sử dụng, sinh viên y khoa phải có gia đình và hộ khẩu thường trú tại tỉnh Lào Cai từ 3 (ba) năm trở lên; cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trở về phục vụ công tác tại các cơ quan trong ngành y tế tỉnh Lào Cai tối thiểu 10 (mười) năm.

Điều 16. Mức hỗ trợ đào tạo sau đại học

Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo theo chính sách hỗ trợ đào tạo được hưởng trợ cấp 01 (một) lần theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Đào tạo ở trong nước

a) Đào tạo trình độ tiến sĩ: 100 triệu đồng (Riêng cán bộ là nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số 110 triệu đồng);

b) Đào tạo trình độ thạc sĩ: 40 triệu đồng (Riêng cán bộ là nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số 45 triệu đồng);

c) Đào tạo trình độ bác sỹ CK II, bác sỹ nội trú: 90 triệu đồng (Riêng cán bộ là nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số 100 triệu đồng);

d) Đào tạo trình độ bác sỹ CK I: 30 triệu đồng (Riêng cán bộ là nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số 35 triệu đồng).

2. Đào tạo ở nước ngoài

a) Đào tạo trình độ tiến sỹ: 1000 triệu đồng (Riêng cán bộ là nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số 1100 triệu đồng);

b) Đào tạo trình độ thạc sỹ: 500 triệu đồng (Riêng cán bộ là nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số 550 triệu đồng).

Điều 17. Quy trình cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học theo chính sách hỗ trợ đào tạo

1. Cử cán bộ, công chức, viên chức đi ôn tập, dự thi

Căn cứ danh mục chuyên ngành cần hỗ trợ đào tạo do UBND tỉnh ban hành và danh sách cán bộ, công chức được quy hoạch đào tạo sau đại học theo Đề án số 16 của BCH Đảng bộ tỉnh, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đi ôn tập, dự thi sau khi đã trao đổi, thống nhất với Sở Nội vụ.

2. Các cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) ra Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đã trúng tuyển đi học hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo. Hồ sơ đề nghị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học theo Điều 18 quy định này.

3. Sau khi cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành khóa học và nhận Bằng tốt nghiệp, thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định chi trả chế độ hỗ trợ đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý;

Điều 18. Hồ sơ cử đi đào tạo sau đại học theo chính sách hỗ trợ đào tạo

1. Đơn đề nghị cử đi học của cá nhân.

2. Bản cam kết thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân.

3. Giấy báo trúng tuyển của cơ sở đào tạo.

4. Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

5. Sơ yếu lý lịch mẫu 2c theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ Nội vụ về việc ban hành mẫu biểu hồ sơ quản lý cán bộ, công chức.

Điều 19. Mức hỗ trợ đào tạo liên thông từ y sỹ lên bác sỹ cho viên chức cơ sở y tế tuyến huyện, xã và quy trình thực hiện

1. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, học phí cá nhân tự đóng góp.

2. Quy trình cử công chức, viên chức đi đào tạo liên thông từ y sỹ lên bác sỹ

Sở Y tế chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban ngành liên quan thực hiện như sau:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo liên thông từ y sỹ lên bác sỹ cho viên chức y tế tuyến huyện, xã thuộc đối tượng của chính sách này trình UBND quyết định phê duyệt cùng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm;

b) Tham mưu cho UBND tỉnh đăng ký chỉ tiêu đào tạo với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các trường Đại học y;

c) Lựa chọn viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn cử đi ôn tập, dự thi;

d) Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cử viên chức trúng tuyển đi đào tạo.

Điều 20. Mức hỗ trợ đào tạo Bác sỹ đa khoa hệ chính quy (theo địa chỉ sử dụng) và quy trình thực hiện

1. Mức hỗ trợ đào tạo Bác sỹ đa khoa hệ chính quy thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 6 Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo;

b) Hỗ trợ học phí như sau: 100% học phí năm thứ nhất; từ năm học thứ hai, mức hỗ trợ tùy theo học lực của người học:

- Học lực giỏi: hỗ trợ 100%;

- Học lực khá hỗ trợ 50%;

- Học lực trung bình hỗ trợ 30%.

2. Quy trình lựa chọn học sinh THPT đi đào tạo bác sỹ chính quy

Sở Y tế chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở ngành liên quan thực hiện như sau:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo bác sỹ chính quy theo địa chỉ sử dụng trình UBND quyết định phê duyệt cùng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm;

b) Tham mưu cho UBND tỉnh đăng ký chỉ tiêu đào tạo với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các trường Đại học y; thông báo chỉ tiêu đào tạo và hướng dẫn về hồ

sơ đăng ký tới các trường THPT và các trường có học sinh THPT trong tỉnh trước ngày 30 tháng 5 hằng năm;

c) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký, lập danh sách học sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia dự tuyển tại các trường Đại học Y theo kế hoạch được giao;

d) Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cử học sinh trúng tuyển đi đào tạo bác sỹ hệ chính quy theo thông báo nhập học của các trường Đại học Y;

đ) Phối hợp với cơ sở đào tạo theo dõi, đánh giá, tổng hợp kết quả học tập của sinh viên, trên cơ sở đó đề xuất mức hỗ trợ học phí cho sinh viên hằng năm trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt;

e) Phối hợp với cơ sở đào tạo tiếp nhận Bằng tốt nghiệp và hồ sơ của sinh viên sau khi tốt nghiệp; trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng sinh viên theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ Sinh viên y khoa đang theo học bác sỹ đa khoa hệ chính quy tại các trường công lập đăng ký về tỉnh công tác sau khi tốt nghiệp và quy trình thực hiện

1. Hỗ trợ sinh viên y khoa thuộc đối tượng của chính sách này bằng hình thức cho vay vốn qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Lào Cai để học tập. Sau khi tốt nghiệp nếu được tuyển dụng vào làm việc trong các cơ sở y tế công lập của tỉnh Lào Cai, sinh viên sẽ được hỗ trợ kinh phí để trả nợ. Mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 6, Điều 6, Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai bao gồm các khoản sau:

a) Học phí: 100% học phí theo quy định của cơ sở đào tạo (tính từ năm học sinh viên bắt đầu đăng ký).

b) Tiền sinh hoạt phí hàng tháng tùy theo học lực (tính 10 tháng/năm học):

- Học lực giỏi: 2.0 mức lương cơ sở;

- Học lực khá: 1.5 mức lương cơ sở;

- Học lực trung bình: 1.0 mức lương cơ sở.

2. Quy trình thực hiện

Sở Y tế chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Lào Cai và các sở ngành liên quan thực hiện như sau:

a) Thông báo nội dung chính sách đến các sinh viên người Lào Cai đã trúng tuyển hoặc đang theo học tại các trường Đại học y trong nước; hướng dẫn sinh viên đăng ký về tỉnh công tác sau khi tốt nghiệp;

b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký của sinh viên; phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Lào Cai xác định mức kinh phí cho vay, hướng dẫn gia đình sinh viên hoàn thiện các thủ tục vay vốn; Tổng hợp danh sách sinh viên đăng ký trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; ký hợp đồng hỗ trợ đào tạo với gia đình sinh viên;

c) Phối hợp với cơ sở đào tạo tiếp nhận Bằng tốt nghiệp và hồ sơ của sinh viên sau khi tốt nghiệp; trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng sinh viên theo quy định của pháp luật;

d) Xác định mức kinh phí hỗ trợ sinh viên để thanh toán nợ Ngân hàng chính sách xã hội trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia chính sách:

a) Đơn đăng ký có xác nhận của Nhà trường;

b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của địa phương nơi cư trú.

Điều 22. Hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 6, Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể:

1. Hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã:

Cán bộ, công chức cấp xã tham gia lớp bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp tỉnh, cấp huyện hoặc do các sở, ban, ngành tổ chức được hỗ trợ tiền ăn 50.000 đồng/người/ngày.

2. Hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn và đại biểu HĐND cấp xã:

a) Hỗ trợ tiền ăn 100.000 đồng/người/ngày khi tham gia các lớp bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo cấp tỉnh hoặc do các sở, ban, ngành tổ chức tại tỉnh; 80.000 đồng/người/ngày khi tham gia các lớp bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp huyện hoặc do các sở, ban, ngành tổ chức tại các huyện, thành phố;

b) Hỗ trợ tiền nghỉ (nếu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng không bố trí được chỗ nghỉ) 150.000 đồng/người/ngày;

c) Hỗ trợ tiền đi lại 01 lượt đi về theo giá cước thông thường.

Việc xác định chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn theo Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai về số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố; chế độ đối với lực lượng công an, dân quân trong thời gian thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp cán bộ cấp xã kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khi tham gia lớp bồi dưỡng dành cho đối tượng người hoạt động không chuyên trách thì được hỗ trợ theo Khoản 1 Điều này.

3. Cách thức chi trả kinh phí hỗ trợ

Cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc cơ quan được UBND tỉnh giao chỉ tiêu tổ chức lớp bồi dưỡng chi hỗ trợ tiền ăn cho các đối tượng thuộc điểm b, khoản 3, Điều 1 Quy định này trong thời gian tập trung học tại trường; chi hỗ trợ tiền tàu xe, tiền thuê phòng nghỉ cho các đối tượng là cán bộ không chuyên trách cấp xã,

cán bộ thôn bản, tổ dân phố, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Điều 23. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Chấp hành tốt nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa học và phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2. Sau khi kết thúc khóa học, phải báo cáo kết quả học tập cho cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng, quản lý; phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ đã cam kết; chấp hành sự phân công, bố trí công tác của cấp có thẩm quyền.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng mà không hoàn thành chương trình, nội dung khóa học; không được công nhận kết quả học tập hoặc không thực hiện đúng nội dung cam kết sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật và phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định. Học sinh, sinh viên đi học theo chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh nếu vi phạm cam kết phải đền bù chi phí đào tạo theo hợp đồng hỗ trợ đào tạo và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Điều 24. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách thu hút và hỗ trợ đào tạo tại Quy định này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.

Điều 25. Công tác lập và giao dự toán

1. Hằng năm, các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ và hỗ trợ đào tạo thuộc ngành mình gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

2. Các cơ quan, đơn vị có chức năng bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn lập dự toán kinh kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn tham gia các lớp bồi dưỡng cùng với dự toán kinh phí tổ chức lớp bồi dưỡng gửi Sở Nội vụ tổng hợp vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

3. Sở Nội vụ tổng hợp chung dự toán kinh phí chi cho Chính sách thu hút, đãi ngộ và hỗ trợ đào tạo của tỉnh thống nhất với Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt tổng mức kinh phí thu hút, đãi ngộ và hỗ trợ đào tạo.

4. Sở Tài chính căn cứ vào Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh giao chi tiết kinh phí đến các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác chi trả theo quy định.

Điều 26. Đền bù kinh phí trợ cấp thu hút

Khi có cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện phải bồi thường kinh phí trợ cấp thu hút theo quy định tại Khoản 3, Điều 5 của Quy định này thì thủ trưởng đơn vị (được giao thẩm quyền quyết định chi trả chế độ phụ cấp thu hút) có trách nhiệm ra quyết định thu hồi kinh phí trợ cấp thu hút để nộp về Kho bạc Nhà nước theo quy định; quyết định thu hồi kinh phí trợ cấp thu hút gửi về Sở Nội vụ 01 bản để tổng hợp, theo dõi chung.

Điều 27. Đền bù chi phí đào tạo

1. Cá nhân vi phạm cam kết thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ sau khi được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo thì phải đền bù chi phí đào tạo để nộp về Kho bạc Nhà nước theo quy định. Chi phí đền bù bao gồm:

a) Các khoản chi phí mà cơ quan đã chi trả cho khóa đào tạo;

b) Kinh phí hỗ trợ theo Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thành lập Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. Thành phần của Hội đồng xét đền bù thực hiện theo Điều 16, Quyết định số 29/2012/QĐ-UBND ngày 20/7/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét đền bù, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức đền bù chi phí đào tạo và gửi 01 bản Quyết định về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp chung.

3. Cách tính chi phí đền bù và cách thức thực hiện của Hội đồng xét đền bù thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

4. Đối với các trường hợp sinh viên vi phạm cam kết hỗ trợ đào tạo, Sở Y tế thành lập Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo; Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét đền bù, Giám đốc Sở Y tế quyết định mức đền bù chi phí đào tạo và gửi 01 bản Quyết định về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp chung; khởi kiện ra Tòa án theo quy định của pháp luật trong trường hợp sinh viên không thực hiện đền bù chi phí đào tạo.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tổng hợp trình UBND tỉnh:

a) Phê duyệt danh mục các chuyên ngành cần thu hút, chuyên ngành cần hỗ trợ đào tạo thuộc phạm vi các cơ quan khối nhà nước;

b) Giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm về đào tạo bác sỹ.

2. Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định:

a) Quyết định thu hút bằng hình thức tiếp nhận hoặc tuyển dụng người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của chính sách;

b) Quyết định cử đi đào tạo theo chính sách hỗ trợ đào tạo đối với các đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 1 Quy định này.

3. Phối hợp với Sở Y tế, Sở Thông tin và truyền thông thẩm định đối tượng, định mức hưởng chính sách đãi ngộ.

4. Tổng hợp dự toán kinh phí thu hút, đãi ngộ và hỗ trợ đào tạo hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

5. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố kiểm tra, theo dõi và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Quy định này.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Chính sách thu hút, đãi ngộ và hỗ trợ đào tạo trình UBND tỉnh phê duyệt; cấp phát và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán kinh phí hàng năm, sử dụng, quyết toán và thu hồi các khoản kinh phí trợ cấp cho các đối tượng tại Quy định này.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn và đại biểu HĐND cấp xã tham gia các lớp bồi dưỡng trình UBND tỉnh phê duyệt trong tổng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Hàng năm, xây dựng kế hoạch về đào tạo, thu hút Bác sỹ về công tác tại các cơ sở y tế tỉnh đang cần hoặc thiếu; gửi kế hoạch về Sở Nội vụ tổng hợp trình UBND tỉnh cùng thời gian gửi kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan chọn cử viên chức đi ôn tập và dự thi đào tạo Bác sỹ (hệ chuyên tu); tổng hợp danh sách học sinh THPT tham gia dự tuyển đào tạo bác sỹ hệ chính quy theo địa chỉ sử dụng gửi về các cơ sở đào tạo; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cử thí sinh trúng tuyển đi đào tạo.

3. Ký hợp đồng đào tạo Bác sỹ đối với các trường Đại học y; phối hợp với các trường Đại học y trong việc quản lý, theo dõi kết quả học tập, chấp hành các nội quy, quy chế của nhà trường đối với học viên được tỉnh cử đi đào tạo; thu hồi kinh phí thu hút, hỗ trợ đào tạo đối với các cá nhân vi phạm cam kết trách nhiệm.

4. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc bình xét, lựa chọn bác sỹ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn hưởng chính sách đãi ngộ của tỉnh; ra quyết định hưởng chính sách đãi ngộ cho viên chức sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

Điều 31. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và UBND các huyện, thành phố.

1. Tiến hành rà soát xác định rõ nhu cầu cần thu hút và hỗ trợ đào tạo hàng năm, giai đoạn đối với từng chuyên ngành đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng nhiệm vụ và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, đơn vị. Hàng năm, lập kế hoạch thu hút, hỗ trợ đào tạo gửi gửi Sở Nội vụ để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thời điểm gửi kế hoạch thu hút, hỗ trợ đào tạo cùng thời gian gửi kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ:

a) Tuyển chọn, bố trí, sử dụng người có nguyện vọng về Lào Cai công tác theo Chính sách thu hút của tỉnh;

b) Trình cấp có thẩm quyền quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo theo Chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh.

3. Ký cam kết với người được thu hút hoặc hỗ trợ đào tạo.

4. Phân công nhiệm vụ, quản lý sử dụng tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng được thu hút hoặc đối tượng đã được đào tạo phát huy tốt năng lực, sở trường.

5. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hàng năm và thực hiện chi trả đầy đủ chế độ cho người được hưởng chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo và thu hồi kinh phí nộp ngân sách nhà nước đối với các trường hợp cá nhân không thực hiện cam kết, phải đền bù chi phí thu hút và hỗ trợ đào tạo.

Điều 32. Thời điểm áp dụng chính sách

Thực hiện kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 33 của Quy định này.

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp người học thuộc đối tượng đang hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo các chính sách trước đây của tỉnh, nay đã bị bãi bỏ theo Quy định này, nếu đến thời điểm chính sách này có hiệu lực thi hành đã thi tốt nghiệp nhưng chưa được cấp Bằng hoặc chưa tốt nghiệp thì vẫn được hưởng bằng mức hỗ trợ theo quy định trước đây.

2. Trường hợp người được cử đi đào tạo thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo Quy định này mà thời gian đào tạo theo quy định đến hết năm 2020 chưa kết thúc thì vẫn tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo Quy định này đến khi tốt nghiệp.

3. Định mức hỗ trợ đào tạo đối với viên chức ngành Y tế thuộc đối tượng của Chính sách này đang theo học tại các trường Đại học y và các cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và đại biểu HĐND cấp xã đang tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác được thực hiện theo định mức quy định tại Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND và Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND đến hết ngày 31/12/2016. Từ ngày 01/01/2017 được hưởng theo Quy định này cho đến khi hoàn thành khóa học.

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Giao cho Sở Nội vụ là cơ quan thường trực phối hợp với các ngành có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này. Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Tỉnh ủy về kết quả tổ chức triển khai thực hiện.

2. Việc thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo đối với các đối tượng thuộc các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể chính trị – xã hội cấp tỉnh, cấp huyện (được quy định trong Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh) thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong